

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

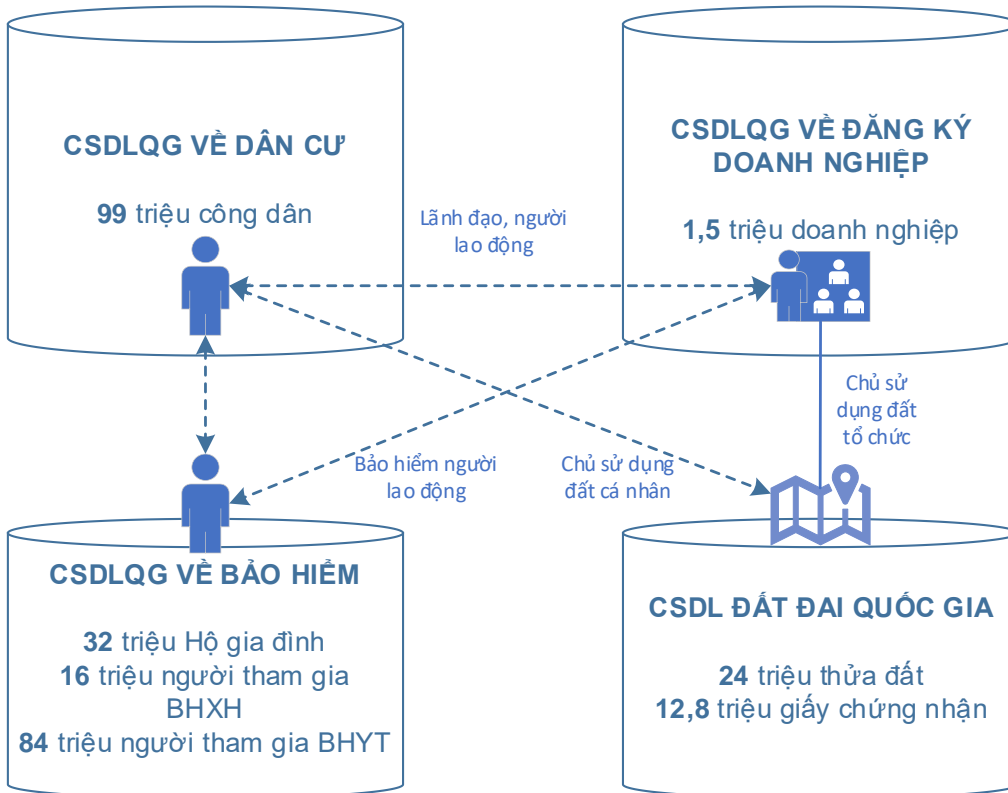
Tổng hợp hiện trạng dữ liệu số trong cơ quan nhà nước

(Phiên họp 6 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số)

Năm 2023 được Ủy ban quốc gia về Chuyển đổi số xác định là Năm Dữ liệu số quốc gia để tập trung hoạch định và xây dựng hạ tầng dữ liệu số phục vụ tạo nền tảng thúc đẩy chuyển đổi số. Thực hiện Quyết định số 17/QĐ-UBQGČDS ngày 4/4/2023 của Ủy ban quốc gia về Chuyển đổi số, Bộ Thông tin và Truyền thông báo cáo về hiện trạng dữ liệu số trong cơ quan nhà nước như sau:

1. Hiện trạng triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia

Các cơ sở dữ liệu quốc gia chính, quan trọng đã xây dựng:



Hiện trạng và mối quan hệ giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia

a) Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và căn cước công dân

Bộ Công an đã hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Kết quả đã thu nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khoảng **99** triệu nhân khẩu, đạt trên 99%. Bộ Công an cũng đã phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ rà soát, cập nhật trên 92 nghìn trường hợp thôi quốc tịch, gần 5 triệu trường hợp thay đổi

thông tin trong hồ tịch để phục vụ việc làm sạch dữ liệu; cấp số định danh cá nhân cho trẻ em mới sinh được hơn 5,3 triệu trường hợp.

b) Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp là tập hợp dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc. Thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và tình trạng pháp lý của doanh nghiệp lưu giữ tại cơ sở dữ liệu quốc gia có giá trị pháp lý là thông tin gốc về doanh nghiệp. Số lượng doanh nghiệp trong cơ sở dữ liệu là **1,5** triệu doanh nghiệp. Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đã kết nối, chia sẻ dữ liệu cho: 12 bộ, ngành và 56 địa phương.

c) Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm

Bảo hiểm xã hội Việt Nam thu thập dữ liệu qua các hoạt động nghiệp vụ, từ đó hình thành dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm. Dữ liệu do Bảo hiểm xã hội Việt Nam thu thập và quản lý bao gồm **31,9** triệu hộ gia đình, **16,1** triệu người tham gia bảo hiểm xã hội và **83,895** triệu người tham gia bảo hiểm y tế.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương: Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ, Bộ Lao Động-Thương binh và Xã hội, Kiểm toán nhà nước, Bộ Tài chính, 29 tỉnh/thành phố phục vụ cho công tác tiêm chủng, công tác hỗ trợ cho người lao động hưởng các gói hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19.

d) Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai

Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai bao gồm các dữ liệu thành phần:

- Cơ sở dữ liệu địa chính: đã tích hợp dữ liệu từ 36 tỉnh, 322 huyện thị, 4880 xã, phường với **24** triệu thửa đất; **12,8** triệu giấy chứng nhận và hơn 3,5 triệu hồ sơ tiếp nhận.

- Cơ sở dữ liệu Thống kê, kiểm kê đất đai: tập hợp, thống kê được **141** nghìn đơn vị dữ liệu (khoanh đất).

- Cơ sở dữ liệu Giá đất: **32,8** nghìn đơn vị dữ liệu bao gồm dữ liệu khung giá đất thời kỳ 2015-2019, thời kỳ 2020-2025.

- Cơ sở dữ liệu Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bao gồm: **21** nghìn đơn vị dữ liệu bao gồm cả quy hoạch kế hoạch sử dụng đất trước năm 2010 và năm 2010.

- Cơ sở dữ liệu Điều tra cơ bản đất đai: Số liệu điều tra cấp vùng, cấp quốc gia năm 2015 là: **2,9** triệu đơn vị dữ liệu (chất lượng đất: 131.725 khoanh; chế độ nước: 54.042 khoanh; độ phì nhiêu đất: 65.931 khoanh; giảm độ phì: 67.989 khoanh; hiệu quả kinh tế: 501.000 đơn vị dữ liệu và hiệu quả môi trường: 501.000 đơn vị dữ liệu).

- Cơ sở dữ liệu khác liên quan đất đai: cơ sở dữ liệu người định cư ở nước ngoài sở hữu giấy chứng nhận bao gồm: 711 hồ sơ.

2. Cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương

Tiêu chí đặt ra tại Quyết định số 17/QĐ-UBQGCDSD là hết năm 2023 có 100% bộ, ngành, địa phương ban hành danh mục cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý và kế hoạch, lộ trình cụ thể để xây dựng, triển khai các cơ sở dữ liệu trong danh mục. Đến thời điểm hiện tại Bộ Thông tin và Truyền thông đã ghi nhận được như sau:

- Tổng số **45** bộ, ngành, địa phương đã ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của mình đạt tỷ lệ **52,3%** so với kế hoạch.

Tổng số CSDL	Số bộ, ngành, địa phương
1.744	45

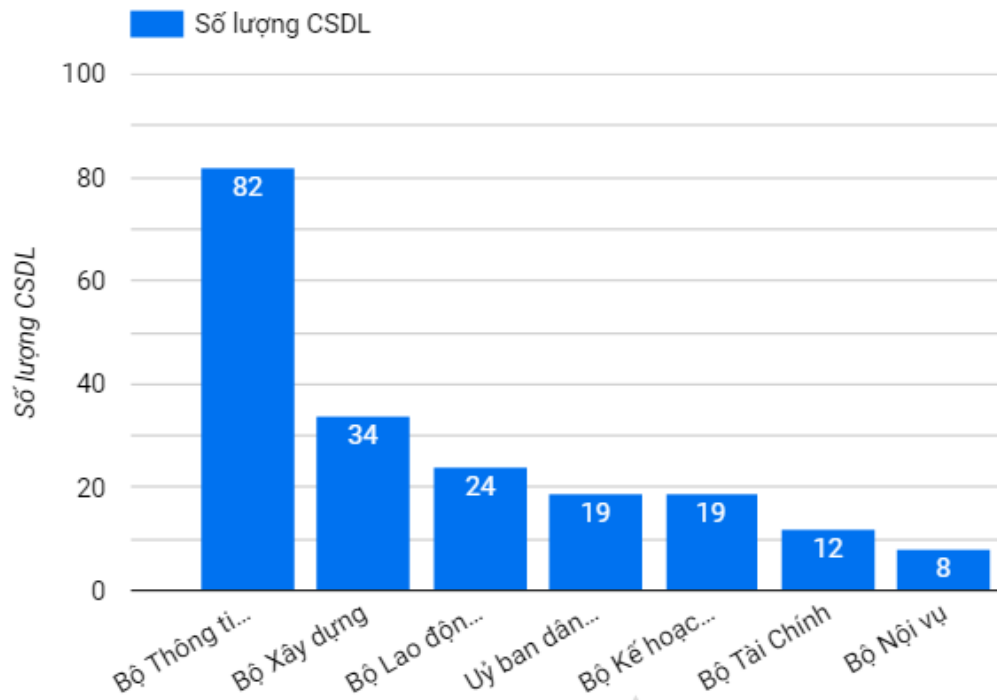
- Tổng số cơ sở dữ liệu được hoạch định trong **45** bộ, ngành, địa phương là **1.744** cơ sở dữ liệu.

- Về hình thức chia sẻ dữ liệu theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 9/4/2023 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số trong cơ quan nhà nước (một cơ sở dữ liệu có thể chia sẻ theo nhiều hình thức):

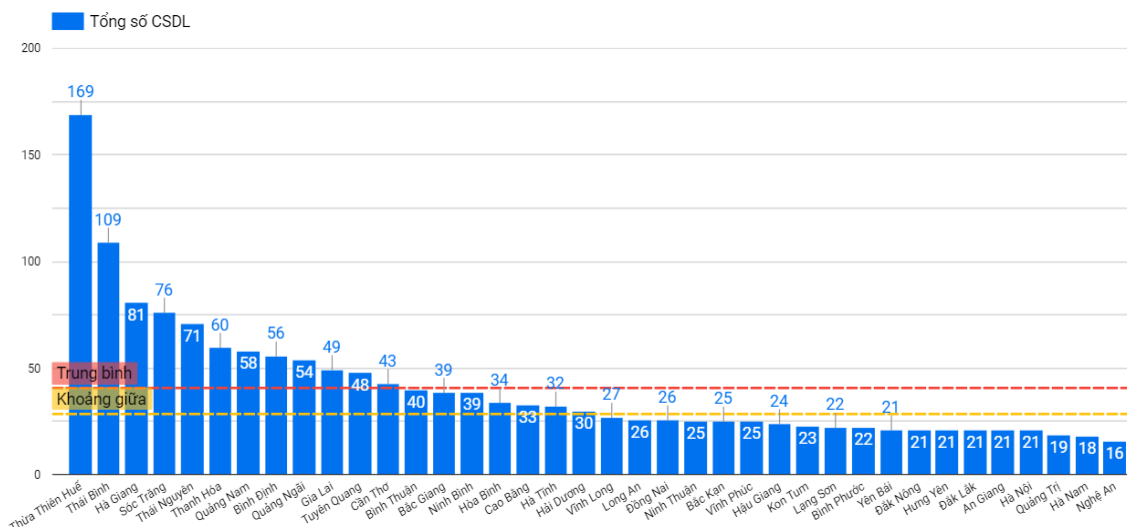
HÌNH THỨC CHIA SẺ			
Mặc định	Đặc thù	Dữ liệu mở	Chưa xác định
919	410	403	153

Đối với các bộ, ngành: có **7** bộ bao gồm: Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ lao động Thương binh và xã hội, Bộ Xây dựng, Bộ Thông tin và Truyền thông và Ủy ban dân tộc đã ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của Bộ với tổng cộng **198** cơ sở dữ liệu¹.

¹ Bộ Thông tin và Truyền thông (82), Bộ Xây dựng (34), Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (24), Bộ KHĐT (19), Bộ Tài Chính (12), Bộ Nội vụ (8), Ủy ban dân tộc (19).



- Đối với các địa phương: **38** địa phương đã ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của địa phương với tổng cộng **1.545** cơ sở dữ liệu.

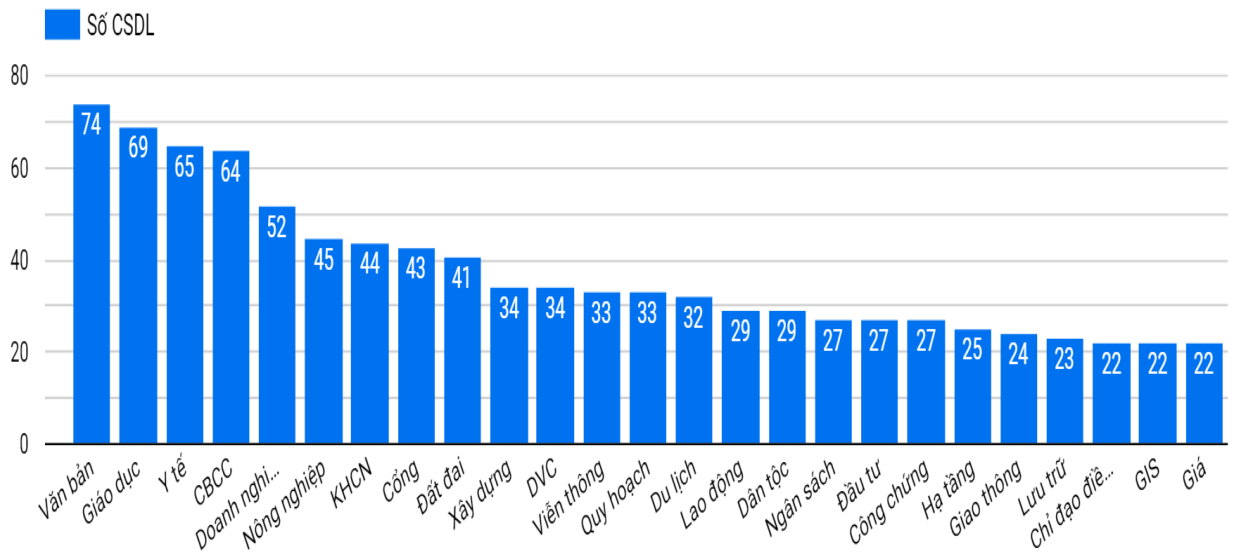


Số lượng các cơ sở dữ liệu của các tỉnh/thành phố

+ Tỷ lệ trung bình mỗi địa phương có khoảng 40 cơ sở dữ liệu, 28 cơ sở dữ liệu là con số ở khoảng giữa (trung vị hay median)

+ Các địa phương có sự chênh lệch về số cơ sở dữ liệu rất lớn. Nhiều nhất là Thừa Thiên Huế được hoạch định 169 cơ sở dữ liệu, Thái Bình (109), Hà Giang (81) trong khi đó nhóm các tỉnh có số CSDL ít nhất là: Nghệ An (16), Hà Nam (18), Quảng Trị (19).

- Về nội dung chủ đề của các cơ sở dữ liệu: các CSDL phân bố rất đa dạng, các chủ đề chính được tập trung xây dựng bao gồm:



Số lượng các cơ sở dữ liệu theo chủ đề

Các chủ đề có số cơ sở dữ liệu lớn bao gồm:

+ Cơ sở dữ liệu chứa nội dung văn bản: **74**

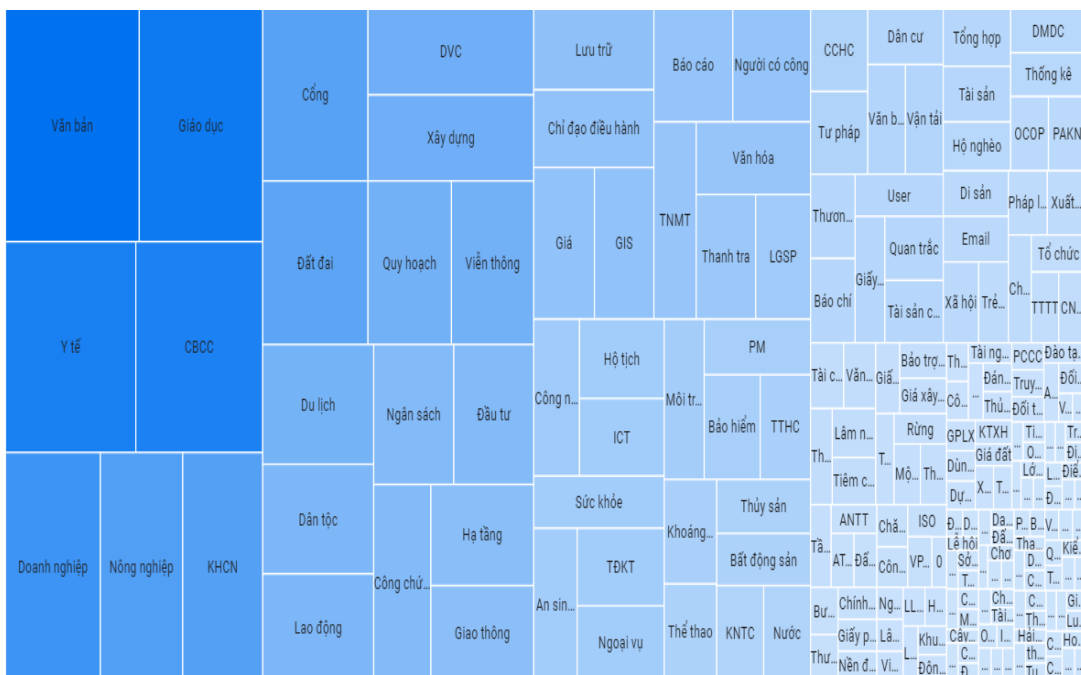
+ Cơ sở dữ liệu chứa thông tin về giáo dục: **69**

+ Cơ sở dữ liệu chứa thông tin về y tế: **65**

+ Cơ sở dữ liệu chứa thông tin về cán bộ công chức, viên chức: **64**

+ Các chủ đề khác được các bộ, ngành tập trung xây dựng bao gồm: doanh nghiệp, nông nghiệp, khoa học và công nghệ, đất đai, du lịch...

Sự phân bố các cơ sở dữ liệu theo chủ đề:



Phân bố các CSDL theo chủ đề, ô lớn hơn, màu đậm hơn là chủ đề có số cơ sở dữ liệu được xây dựng lớn hơn

- Về tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu tại địa phương: các sở ban ngành được giao làm chủ quản cơ sở dữ liệu dùng chung tập trung vào: Sở Thông tin và Truyền thông (142), Sở Tài nguyên và Môi trường (117) Văn phòng UBND tỉnh/thành phố (101).

3. Ban hành kế hoạch và thực hiện cung cấp dữ liệu mở

Theo Quyết định số 17/QĐ-UBQGCS, đến hết năm 2023 có 100% bộ, ngành, địa phương ban hành kế hoạch về dữ liệu mở, bao gồm danh mục dữ liệu mở, công bố dữ liệu mở của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý. Tuy nhiên, đến hết tháng 6/2023, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ghi nhận được như sau:

- 17 bộ, ngành, địa phương ban hành kế hoạch cung cấp dữ liệu mở đạt tỷ lệ 19,7%. Các cơ quan đã ban hành bao gồm: Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ngân hàng Nhà nước; Bảo hiểm xã hội Việt Nam; các tỉnh có Bắc Giang, Bắc Kạn, Cao Bằng, Đà Nẵng, Hà Nội, Lạng Sơn, Ninh Bình, Quảng Ngãi, Tuyên Quang, Vĩnh Long.

- 17 bộ, ngành, địa phương² triển khai cung cấp dữ liệu mở đạt tỷ lệ 19,7%. Các cơ quan cung cấp dữ liệu mở trên cổng dữ liệu quốc gia hoặc xây dựng, thử nghiệm cổng dữ liệu riêng của mình. Các bộ, ngành, địa phương bao gồm bao gồm: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Bắc Giang, Bình Định, Cần Thơ, Đà Nẵng, Hà Giang, Hậu Giang, Lạng Sơn, Long An, Ninh Bình, TP Hồ Chí Minh, Thái Bình, Thừa Thiên Huế, Trà Vinh.

Về triển khai xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định chia sẻ dữ liệu.

Tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về cấu trúc dữ liệu trao đổi có vai trò quan trọng trong kết nối, chia sẻ dữ liệu, làm cơ sở để chia sẻ dữ liệu diện rộng, sử dụng dữ liệu chính xác. Tuy nhiên hiện mới chỉ có 8 nội dung dữ liệu đã ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật. Cụ thể:

	Dữ liệu	Văn bản quy định	Nội dung quy định
1	Dữ liệu công dân	Quy chuẩn quốc gia số QCVN 109:2017/BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông	Quy định cấu trúc thông điệp dữ liệu công dân trao đổi với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.
2	Dữ liệu đất đai	Thông tư 75/2015/TT-BTNMT ngày 28/12/2015	Quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu đất đai trong đó tập trung vào dữ liệu địa chính.

² 17 bộ, ngành, địa phương triển khai cung cấp dữ liệu mở không trùng khớp với 17 bộ, ngành, địa phương ban hành kế hoạch cung cấp dữ liệu mở.

		của Bộ Tài nguyên và Môi trường	
3	Dữ liệu bảo hiểm	Quyết định số 3680/QĐ-BHXH ngày 3/12/2022 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Quy định kỹ thuật về cấu trúc thông điệp dữ liệu trao đổi với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.
4	Dữ liệu về giá	Thông tư số 93/2021/TT-BTC ngày 1/11/2021 của Bộ tài chính	Quy định cấu trúc, định dạng dữ liệu kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu Quốc gia về giá.
5	Dữ liệu cán bộ công chức viên chức	Quyết định 4223/QĐ-BNV ngày 30/11/2016 của Bộ Nội vụ.	Danh mục chuẩn thông tin và Quy định kỹ thuật về dữ liệu dùng cho phần mềm, cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã.
6	Dữ liệu trao đổi trong lĩnh vực lao động, xã hội và người có công	Quyết định số 1371/QĐ-LĐTBXH ngày 3/12/2021 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.	Bộ chuẩn trao đổi dữ liệu điện tử lĩnh vực Lao động, Người có công và Xã hội bao gồm: Bộ tiêu chí thông tin, danh mục dùng chung; Bộ định dạng dữ liệu; Bộ chuẩn kỹ thuật cấu trúc thông điệp dữ liệu.
7	Dữ liệu báo cáo trong Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	QCVN 125:2021/BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông	Cấu trúc, định dạng dữ liệu phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin báo cáo trong hệ thống thông tin báo cáo quốc gia
8	Dữ liệu về văn bản điện tử	QCVN 102:2016/BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối các hệ thống quản lý văn bản và điều hành

4. Hạ tầng triển khai cơ sở dữ liệu, trung tâm dữ liệu quốc gia

Các cơ sở dữ liệu quốc gia chủ yếu được triển khai tại các trung tâm dữ liệu do bộ, ngành được giao chủ quản; các cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương được triển khai tại các trung tâm dữ liệu do bộ, ngành, địa phương quản lý. Điều kiện cơ sở hạ tầng trung tâm dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương được đầu tư, quản lý vận hành là tương đối khác nhau và còn nhiều hạn chế.

Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 9/01/2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến 2050 đã xác định phát triển các

cụm trung tâm dữ liệu quốc gia tại khu vực phía Bắc và khu vực phía Nam, theo chủ trương này, Chính phủ đã giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp các bộ, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu, xây dựng Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Trung tâm dữ liệu quốc gia được triển khai với mục tiêu bảo đảm hạ tầng đủ tiêu chuẩn để lưu trữ, vận hành và khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia đáp ứng yêu cầu cho sự phát triển Chính phủ số, thúc đẩy kinh tế số và hình thành xã hội số.

Hiện Bộ Công an đã tiến hành phối hợp các đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Đề án; lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Về một số kết quả khác

Theo khảo sát sơ bộ đến hết tháng 6/2023, tình hình triển khai một số nhiệm vụ khác liên quan đến dữ liệu như sau:

- Tỷ lệ các bộ, ngành, địa phương đã cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu NDXP/LGSP đạt **100%**. Tất cả các bộ, ngành, địa phương đã triển khai hệ thống hạ tầng chia sẻ dữ liệu cấp bộ, cấp tỉnh.

- Về việc triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp bộ, cấp tỉnh, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động: Hiện nay có **10** cơ quan cấp bộ, cấp tỉnh đã triển khai đạt tỷ lệ **12%** (kế hoạch năm 2023 là 30%) bao gồm: Bộ Tài Chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước, Thái Nguyên, Nam Định, Bình Phước, Đồng Tháp, Đắk Nông, Đà Nẵng, Cần Thơ, Bắc Giang.

- **24** bộ, ngành, địa phương đã triển khai chức năng kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh để người dân, doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước đạt **28%** (kế hoạch 2023 đạt 100%) bao gồm: Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, Bộ KHĐT, Ngân hàng Nhà nước, Tây Ninh, Hậu Giang, Thái Nguyên; Sóc Trăng, Hưng Yên, Đắk Lắk, Nam Định, Bình Phước, Hoà Bình, Đồng Tháp, Đắk Nông, Cà Mau, Đà Nẵng, Cần Thơ, Hải Dương, Khánh Hoà, Bắc Ninh, Yên Bái, Gia Lai, Ninh Bình, An Giang, Quảng Ngãi, Bắc Giang.

- **13** bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước triển khai các hoạt động nâng cao năng lực phát triển và quản trị dữ liệu thuộc phạm vi quản lý bao gồm: Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước, Thái Nguyên, Nam Định, Bình Phước, Đồng Tháp, Đà Nẵng, Cần Thơ, Khánh Hoà, Bắc Ninh, Gia Lai, Ninh Bình, Bắc Giang, Quảng Ngãi.

6. Tồn tại và hạn chế

Tiến độ triển khai các nhiệm vụ còn chậm, phần lớn các chỉ tiêu được giao trong Quyết định số 17/QĐ-UBQGCS cần đạt 100%. Tuy nhiên đã qua 6 tháng đầu năm nhưng phần lớn tiêu chí đạt được còn dưới 50%.

Các bộ, ngành, địa phương có sự khác biệt và chưa đồng bộ về việc hoạch định các cơ sở dữ liệu. Điều này thể hiện bởi sự chênh lệch số lượng các cơ sở dữ liệu dùng chung (tính cao nhất là 169 so với thấp nhất là 16).

Nhiều danh mục cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương chưa phân rõ các cơ sở dữ liệu đã hoàn thành xây dựng và cơ sở dữ liệu sẽ xây dựng theo lộ trình trong thời gian tới³.

Văn bản, công thông tin là những cơ sở dữ liệu được đưa vào danh mục. Tuy nhiên những cơ sở dữ liệu này thường không có cấu trúc trong khi những dữ liệu quan trọng để dùng chung, tạo nền tảng phát triển chính phủ điện tử, để phát triển các ứng dụng, nền tảng khác thường là dữ liệu có cấu trúc, dữ liệu chủ có giá trị thay thế văn bản cao.

Việc triển khai các nền tảng phân tích dữ liệu còn hạn chế, chưa nhiều bộ, ngành, địa phương tận dụng khả năng của dữ liệu để phục vụ chỉ đạo, điều hành.

7. Kiến nghị và đề xuất

- Các bộ, ngành, địa phương cần nhanh chóng ban hành danh mục các cơ sở dữ liệu dùng chung của mình để có định hướng và kế hoạch rõ ràng về việc xây dựng tài nguyên dữ liệu số thuộc phạm vi mình. Nội dung ban hành cần bám sát hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông để đảm bảo sự đồng bộ, thuận lợi cho việc tham chiếu, tham khảo điều chỉnh khi triển khai, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu.

- Đối với các bộ, ngành, địa phương đã ban hành, cần thường xuyên rà soát, đánh giá điều chỉnh cập nhật phù hợp với tình hình và nhu cầu triển khai; phân loại rõ các cơ sở dữ liệu hiện có và các cơ sở dữ liệu dự định xây dựng theo lộ trình với thời gian cụ thể; định hướng điều chỉnh, nâng cấp, tái cấu trúc đối với các cơ sở dữ liệu để phù hợp với Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử.

- Các bộ, ngành, địa phương cần tích cực triển khai ban hành kế hoạch và cung cấp dữ liệu mở lần đầu theo kế hoạch trong năm 2023. Cung cấp dữ liệu mở và huy động cộng đồng, doanh nghiệp khai thác dữ liệu mở đó. để giải quyết các vấn đề của lĩnh vực, địa phương mình.

- Các cơ quan cấp bộ cần rà soát phạm vi lĩnh vực quản lý, lập danh sách các loại đối tượng, hoạt động cần số hóa theo ngành, lĩnh vực quản lý; phân định trách

³ Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ phối hợp với các bộ, ngành, địa phương cập nhật, làm rõ thêm nội dung này.

nhiệm xây dựng dữ liệu giữa bộ và địa phương, bảo đảm nguyên tắc một loại dữ liệu chỉ một cơ quan chịu trách nhiệm cập nhật; hướng dẫn các địa phương thực hiện thu thập và kết nối, tích hợp đồng bộ dữ liệu về Trung ương.

- Cần tăng cường quản trị dữ liệu: thiết lập hệ thống đầu mối phụ trách dữ liệu để quản lý thống nhất; định kỳ kiểm tra, đánh giá, duy trì dữ liệu bảo đảm chất lượng dữ liệu trong cơ sở dữ liệu dùng chung theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

- Tích cực triển khai thiết lập cơ sở dữ liệu tích hợp dùng chung và nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung cấp bộ, cấp tỉnh để cung cấp thông tin tổng hợp, thống kê, dự đoán, dự báo phục vụ chỉ đạo, điều hành. Đây là bước đầu để tạo ra các giá trị gia tăng từ dữ liệu.

Trên đây là báo cáo chuyên đề về Tổng hợp hiện trạng dữ liệu số trong cơ quan nhà nước./.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Phụ lục 1**Danh sách các bộ, ngành, địa phương đã ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung**

- | | |
|--|--------------------|
| 1. Bộ Xây dựng | 24. Hà Tĩnh |
| 2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 25. Hải Dương |
| 3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 26. Hậu Giang |
| 4. Bộ Tài chính | 27. Hòa Bình |
| 5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | 28. Hưng Yên |
| 6. Bộ Thông tin và Truyền thông | 29. Lạng Sơn |
| 7. Bộ Nội vụ | 30. Long An |
| 8. Ủy ban Dân tộc | 31. Ninh Bình |
| 9. An Giang | 32. Ninh Thuận |
| 10. Bắc Giang | 33. Nghệ An |
| 11. Bắc Kạn | 34. Quảng Nam |
| 12. Bình Định | 35. Quảng Ngãi |
| 13. Bình Phước | 36. Quảng Trị |
| 14. Bình Thuận | 37. Sóc Trăng |
| 15. Cao Bằng | 38. Tuyên Quang |
| 16. Cần Thơ | 39. Thái Bình |
| 17. Đắk Lắk | 40. Thái Nguyên |
| 18. Đắk Nông | 41. Thanh Hóa |
| 19. Đồng Nai | 42. Thừa Thiên Huế |
| 20. Gia Lai | 43. Vĩnh Long |
| 21. Hà Giang | 44. Vĩnh Phúc |
| 22. Hà Nam | 45. Yên Bái |
| 23. Hà Nội | |

Phụ lục 2**Danh sách các bộ, ngành, địa phương đã ban hành kế hoạch cung cấp dữ liệu mở**

1. Bộ Công an
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư
3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
4. Bộ Tài chính
5. Bộ Thông tin và Truyền thông
6. Bộ Khoa học và Công nghệ
7. Bảo hiểm xã hội Việt Nam
8. Bắc Giang
9. Bắc Kạn
10. Cao Bằng
11. Đà Nẵng
12. Hà Nội
13. Lạng Sơn
14. Ninh Bình
15. Quảng Ngãi
16. Tuyên Quang
17. Vĩnh Long